BẢN TIN

KINH TẾ VĨ MÔ

DỰ ÁN HỖ TRỢ NÂNG CAO NĂNG LỰC THAM MƯU,THẨM TRA VÀ GIÁM SÁT CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ 8 - QUÝ I/2013

KINH TẾ THẾ GIỚI

- **Kinh tế thế giới:** Kinh tế thế giới năm 2012 tiếp tục suy giảm sâu hơn so với năm trước và triển vọng tăng trưởng kinh tế năm 2013 được dự báo sẽ hồi phục chậm ở một số nền kinh tế chủ chốt nhưng nhìn tổng thể vẫn còn nhiều khó khăn.
- **Kinh tế khối EU:** Kinh tế khối EU nói chung và khu vực đồng Euro nói riêng đã chính thức rơi vào suy thoái lần 2 (năm 2012) kể từ đợt suy thoái lần 1 (năm 2009) với tốc độ tăng trưởng âm và tỷ lệ thất nghiệp cao (nhưng mức độ trầm trọng của khủng hoảng nợ công đã dần được kiểm soát). Kinh tế EU và khu vực đồng Euro được dự báo sẽ có dấu hiệu hồi phục ban đầu trong năm 2013 nhưng về cơ bản vẫn chưa thoát khỏi cuộc khủng hoảng nợ công.
- **Kinh tế Mỹ:** Kinh tế Mỹ là điểm sáng hiếm hoi năm 2012 với mức tăng trưởng khá và tỷ lệ thất nghiệp đang có xu hướng giảm (còn 8%/năm), mặc dù thâm hụt cán cân ngân sách vẫn lớn và nợ công cao. Triển vọng kinh tế Mỹ năm 2013 được dự báo sẽ dần hồi phục nhưng chậm.
- **Kinh tế Trung Quốc:** Kinh tế Trung Quốc năm 2012 tiếp tục suy giảm mạnh so với năm trước nhưng vẫn đạt mức thặng dư cán cân thương mại khổng lồ. Triển vọng tăng trưởng kinh tế Trung Quốc năm 2013 sẽ dần hồi phục mạnh mẽ hơn nhờ các gói kích thích năm 2012 và chuyển đổi mô hình tăng trưởng chú trọng hơn tới cầu nội địa.
- **Kinh tế Nhật Bản:** Kinh tế Nhật Bản năm 2012 giảm nhẹ và vẫn chìm sâu trong giảm phát và nợ công tăng cao. Triển vọng kinh tế Nhật Bản năm 2013 sẽ hồi phục cho dù còn chậm bởi tác động tích cực của việc triển khai gói kích thích kinh tế lớn.

KINH TẾ VIỆT NAM

- Kinh tế Việt Nam năm 2012 mặc dù cũng theo đà suy giảm chung của thế giới nhưng vẫn đạt mức tăng trưởng 5,03% (thấp hơn so với kế hoạch nhưng lại khá cao so với thế giới trong cùng kỳ năm 2012), ổn định kinh tế vĩ mô căn bản đã đạt được tuy còn chưa vững chắc, tỷ lệ lạm phát giảm xuống mức thấp (6,81%); thặng dư cán cân thương mại, tỷ lệ thâm hụt ngân sách/GDP được kiểm soát ở mức 4,8%; dự trữ ngoại hối tăng (khoảng 2-3 tháng nhập khẩu), tỷ giá và thị trường ngoại hối ổn định; thị trường lao động có dấu hiệu được cải thiện vào cuối năm và tỷ lệ thất nghiệp giảm nhẹ.
- Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam năm 2012 vẫn tồn tại nhiều vấn đề như nợ xấu cao; tồn kho lớn gắn với lĩnh vực bất động sản; suy giảm niềm tin vào thị trường của nhà đầu tư; mặt bằng lãi suất cho vay vẫn còn ở mức cao.
- Giải pháp chủ yếu năm 2013 vẫn là tiếp tục tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô thông qua việc thực hiện chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa "thận trọng" đạt lạm phát thấp hơn, tăng trưởng cao hơn năm 2012; tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, trong đó đặc biệt là tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và doanh nghiệp nhà nước.

ỦY BAN KINH TẾ CỦA QUỐC HỘI
Dự án "Hỗ trợ nâng cao năng lực tham mưu, thẩm tra và giám sát chính sách kinh tế vĩ mô"
37 Hùng Vương, Ba Đình, Hà Nội

Trưởng Ban chỉ đạo:

Nguyễn Văn Giàu - *Chủ nhiệm UBKT*

Ban Quản lý Dự án:

Giám đốc - Nguyễn Văn Phúc
Phó chủ nhiệm UBKT

Phó Giám đốc - Nguyễn Minh Sơn
Vụ trưởng Vụ Kinh tế, VPQH

Quản đốc - Nguyễn Trí Dũng

Chủ trì biên soạn:
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
1 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

GIỚI THIỆU

Dự án **"Hỗ trợ nâng cao năng lực tham mưu, thẩm tra và giám sát chính sách kinh tế vĩ mô"** do Ủy ban Kinh tế của Quốc hội chủ trì thực hiện với sự hỗ trợ kỹ thuật của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP). Mục tiêu của Dự án là nâng cao năng lực các cơ quan tham mưu, thẩm tra và giám sát chính sách kinh tế vĩ mô thông qua các hoạt động: (i) tập huấn/đào tạo nâng cao năng lực; (ii) thực hiện nghiên cứu, đối thoại chính sách về những vấn đề kinh tế vĩ mô; (iii) tăng cường và thể chế hóa cơ chế phối hợp, hợp tác giữa các cơ quan thụ hưởng dự án, bao gồm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Hỗ trợ thực hiện Dự án là mạng lưới các Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu kinh tế, bao gồm Viện Kinh tế Việt Nam, Trung tâm Phân tích và Dự báo (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam), Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), Đại học Kinh tế (thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội), Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội quốc gia (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Trung tâm Nghiên cứu chính sách và phát triển (DEPOCEN – Trung tâm nghiên cứu độc lập) và Nhóm tư vấn chính sách kinh tế vĩ mô (MAG).

Bản tin Kinh tế vĩ mô là một trong những sản phẩm quan trọng của Dự án, được thực hiện trong khuôn khổ phối hợp giữa Dự án và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam với mục đích cung cấp những phân tích, đánh giá tóm lược về xu hướng và những động thái chủ yếu của kinh tế thế giới cũng như cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam. Đối tượng phục vụ chính của Bản tin Kinh tế vĩ mô là các cơ quan thụ hưởng Dự án, các Đại biểu Quốc hội, nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2012 - THÁNG 1/2013 VÀ TRIỂN VỌNG 2013

TỔNG QUAN

■ ***Mặc dù đã có tín hiệu phục hồi nhưng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2012 vẫn bị đánh giá là "tụt dốc".***

Số liệu của IMF cho biết tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2012 chỉ đạt 3,3%, thấp hơn mức 3,8% của năm 2011. Các nền kinh tế phát triển tiếp tục đà trượt dốc và chỉ tăng trưởng 1,4% trong năm 2012, so với mức 3,0% năm 2010 và 1,6% trong năm 2011. Do nhu cầu nhập khẩu yếu tại các nước phát triển, thương mại toàn cầu năm 2012 chỉ tăng 3,2%, so với mức 5,8% năm 2011 và 12,6% năm 2010. Tăng trưởng thấp và bất ổn tại các nước phát triển tác động đến các nền kinh tế đang phát triển thông qua các hoạt động thương mại và đầu tư. Các nền kinh tế BRIC (Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc) tăng trưởng 5-5,3% năm 2012, thấp hơn mức 6,2% của năm 2011; kinh tế châu Phi tăng trưởng 4,5%; kinh tế khu vực Mỹ La tinh và Caribê tăng trưởng 3,7%; châu Á - Thái Bình Dương vẫn là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao nhất, đạt 5,6%, nhờ kinh tế Trung Quốc và ASEAN vẫn giữ được tốc độ khá cao. Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc mặc dù chậm lại song vẫn đạt 7,8%. Kinh tế 5 nước ASEAN lớn (Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam) tăng trưởng 5,4% nhờ nhu cầu nội địa tăng góp phần giảm nhẹ tác động tiêu cực do suy giảm xuất khẩu bắt nguồn từ suy thoái toàn cầu và tăng trưởng kinh tế chậm lại tại Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ[1].

■ ***Khủng hoảng nợ ở khu vực đồng Euro đã bớt nguy kịch hơn song vẫn còn nhiều rủi ro.***

Khủng hoảng nợ ở khu vực đồng Euro đã bớt nguy kịch hơn trong năm 2012, phần lớn nhờ vào những cam kết của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) là sẽ làm bất cứ điều gì để cứu đồng tiền chung. Trong tháng 12/2012, các nước EU và khu vực đồng Euro đã thông qua nhiều giải pháp hiệu quả, đặc biệt là tiếp tục hỗ trợ Hy Lạp vượt qua khủng hoảng nợ công. Nhờ đó, lãi suất trái phiếu của Chính phủ Hy Lạp đã giảm đáng kể, tạo thuận lợi để quốc gia này giảm chi phí vay vốn và giảm tỉ lệ nợ công theo lộ trình đề ra. Đồng thời, các bộ trưởng tài chính EU đã nhất trí thành lập một cơ quan giám sát ngân hàng duy nhất trên toàn khu vực đồng Euro để đảm bảo ổn định tài chính tại khu vực đồng Euro và toàn EU, tiến tới thành lập liên minh ngân hàng và các bước tiếp theo trong quá trình nhất thể hóa châu Âu. Đây là thành công nổi bật nhất của Hội nghị thượng đỉnh cuối cùng của EU trong năm 2012, song cơ chế này chỉ vận hành vào giữa năm 2014.

[1] IMF, 2012, World Economic Outlook, October 2012.

Đồ thị 1: Thực trạng kinh tế vĩ mô khối EU năm 2012 và triển vọng 2013

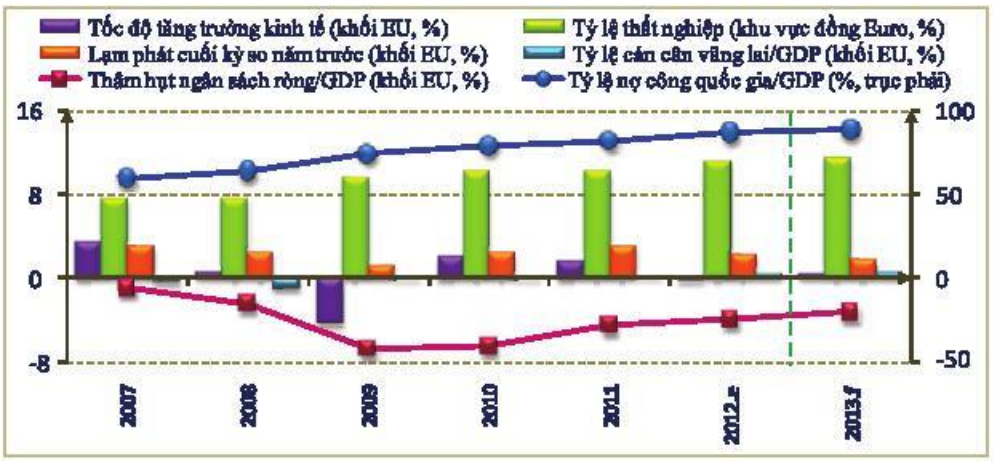

Nguồn: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF, 2012); Ngân hàng Thế giới (WB, 2012); ECB (2012).

Tuy nhiên, kinh tế EU trong tháng 1/2013 vẫn chưa cho thấy dấu hiệu nào khởi sắc và vẫn chứa đựng nhiều rủi ro: Hy Lạp vẫn đang chìm sâu trong suy thoái với tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục tăng cao. Một thành viên EU khác là Cộng hòa Síp vừa bị hãng xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's hạ 3 bậc do gánh nặng nợ công, hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu vực giảm khi chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) trong tháng 12 đã giảm xuống còn 46,1 điểm, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao kỷ lục khi có tới 19 triệu người thất nghiệp tại khu vực đồng Euro.

■ ***Trong số các nước phát triển, kinh tế Mỹ đem lại nhiều hi vọng nhất về khả năng phục hồi.***

Mặc dù tín hiệu lạc quan chưa nhiều song thị trường nhà đất Mỹ đã có được bước ngoặt trong năm 2012 và tỷ lệ thất nghiệp đã giảm xuống một cách vững chắc. Kể từ mùa thu năm 2012, Cục Dự trữ Liên bang (FED) đã thay đổi luật chơi khi công bố gói nới lỏng định lượng (QE) không giới hạn, cam kết sẽ duy trì việc mua trái phiếu cho đến khi nền kinh tế phục hồi. Tiếp đến, FED chính thức cam kết sẽ thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ cho đến khi tỷ lệ thất nghiệp trở về mức 6,5% hoặc tỷ lệ lạm phát đạt 2,5%.

Đồ thị 2: Thực trạng kinh tế vĩ mô của Mỹ năm 2012 và triển vọng 2013

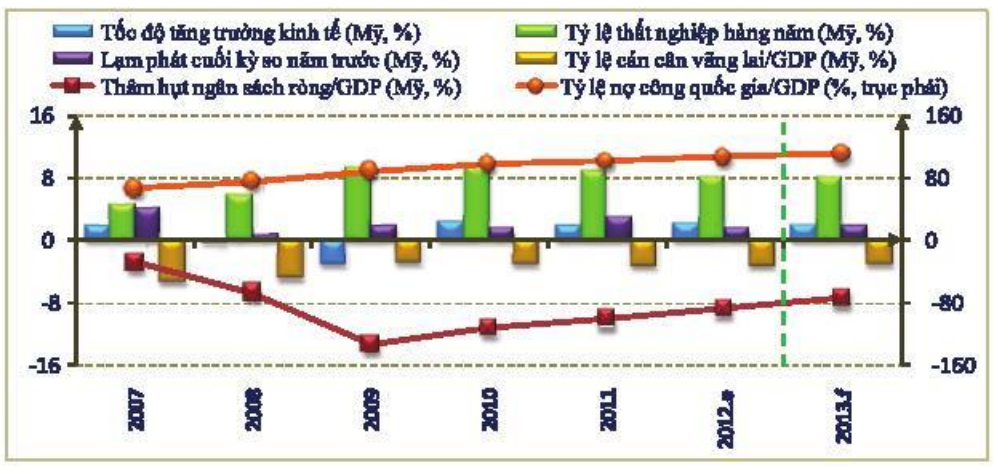

Nguồn: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF, 2012); Ngân hàng Thế giới (WB, 2012); FED (2012).

Các chỉ số kinh tế của Mỹ được công bố trong tháng 1/2013 cho thấy tình hình thị trường nhà ở và thị trường lao động tiếp tục được cải thiện. Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức 7,8% trong tháng 12/2012, chỉ số thị trường nhà NAHB tăng từ 45 điểm trong tháng 11/2012 lên đến 47 điểm trong tháng 12/2012. Chỉ số ISM sản xuất tăng từ 49,5 trong tháng 11/2012 lên đến 50,7 điểm trong tháng 12/2012 và chỉ số ISM phi sản xuất tăng từ 54,7 trong tháng 11 lên 56,1 điểm trong tháng 12/2012[2].

Trong tháng 1/2013, Tổng thống Obama đã có bài phát biểu nhậm chức nhiệm kỳ hai giữa lúc nền kinh tế phải đương đầu với rất nhiều khó khăn trong đó cam kết sẽ duy trì chính sách y tế, cải tổ thuế, sửa đổi luật nhập cư. Ông Obama cho rằng nước Mỹ phải có "những chọn lựa khó khăn là giảm thiểu chi phí về chăm sóc y tế và mức thâm hụt ngân sách". Tuy vấn đề "vách đá tài chính" tạm thời được giải quyết song những rủi ro đối với quá trình phục hồi kinh tế ở Mỹ vẫn còn đáng kể. Cụ thể, chính quyền liên bang sẽ phải cắt giảm chi tiêu (1,2 nghìn tỷ USD trong vòng 9 năm) kể từ 1/3/2013, cắt giảm 85 tỷ USD từ chi tiêu của Chính phủ trong 6 tháng cuối năm 2013. Việc cắt giảm chi tiêu sẽ có tác động tiêu cực đối với tăng trưởng kinh tế của Mỹ trong năm 2013.

■ *Tiếp tục xu hướng kích thích kinh tế*

Trong bối cảnh nền kinh tế giảm sút, các ngân hàng trung ương lớn của thế giới (như ECB, BOJ, PBOC, FED) lần lượt tung ra các gói kích thích kinh tế nhằm đối phó với tình trạng suy giảm kinh tế toàn cầu và thúc đẩy tăng trưởng. Các biện pháp kích thích kinh tế bắt đầu bằng việc ECB tuyên bố trong tháng 9/2012 sẽ mua trái phiếu với thời gian đáo hạn từ 1 tới 3 năm, qua phương thức thực hiện các giao dịch trái phiếu mua đứt bán đoạn trên thị trường thứ cấp[3]. Đến giữa tháng 9/2012, FED tung ra gói kích thích thứ ba (QE3) trị giá 40 tỷ USD hàng tháng để mua trái phiếu nhằm tăng tốc phục hồi kinh tế. Ngày 19/9/2012, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) công bố mở rộng khoản chi để mua tài sản thêm 10.000 tỷ yên (126 tỷ USD) nhằm kích thích kinh tế v.v... và gần đây nhất tiếp tục tung ra các gói kích thích kinh tế, chẳng hạn như dành 4,5 nghìn tỷ yên cho năm tài khóa 2013 để tái thiết đất nước.

Đồ thị 3: Thực trạng kinh tế vĩ mô của Nhật năm 2012 và triển vọng 2013

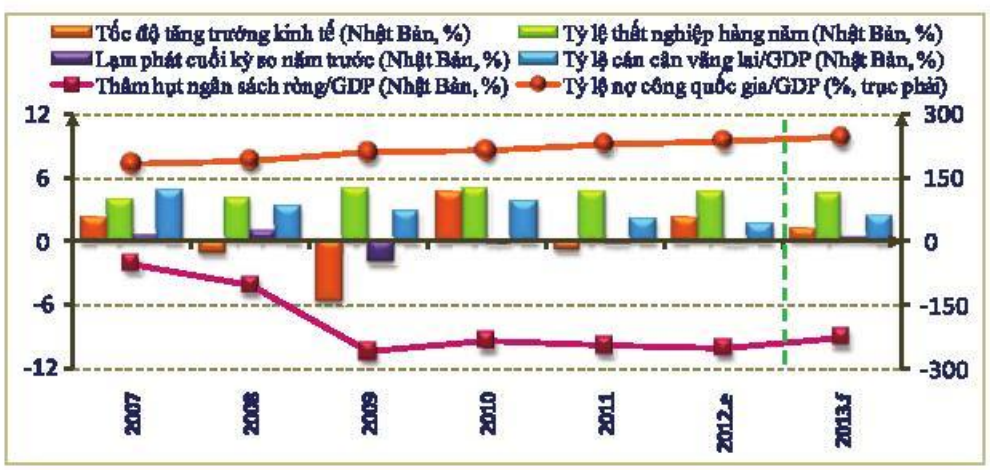

Nguồn: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF, 2012); Ngân hàng Thế giới (WB, 2012); BOJ (2012).

[2] RBC, January 2013. U.S. economic indicators.

[3] Theo đó, toàn bộ số trái phiếu đã mua vào sẽ được bán ra sau đó, có nghĩa là nguồn cung tiền sẽ không bị ảnh hưởng.

Tại Trung Quốc, ngày 9/10/2012, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) bơm 265 tỷ nhân dân tệ (hơn 42 tỷ USD) cho hệ thống ngân hàng thông qua các thỏa thuận mua lại trái phiếu. Đây là lượng tiền bơm vào hệ thống ngân hàng lớn thứ hai từ trước đến nay của Trung Quốc sau khi bơm số tiền kỷ lục 365 tỷ nhân dân tệ (46 tỷ USD) trong hai ngày 25/9 và 27/9. Có một số lo ngại rằng việc các ngân hàng trung ương của Mỹ và châu Âu thực hiện các biện pháp nới lỏng định lượng có thể khiến các dòng vốn nóng đổ vào các thị trường mới nổi. Dòng vốn đã đổ mạnh vào các nền kinh tế mới nổi đầu năm 2012, đẩy giá nội tệ, cổ phiếu và bất động sản nhiều nước lên cao và gây trở ngại cho nỗ lực kích thích kinh tế của các nước này. Tuy nhiên, các nước như Trung Quốc lại không hấp dẫn dòng tiền nóng. Vốn đầu tư đang dần rút khỏi Trung Quốc khi kinh tế nước này tăng trưởng chậm lại.

Đồ thị 4: Thực trạng kinh tế vĩ mô của Trung Quốc năm 2012 và triển vọng 2013

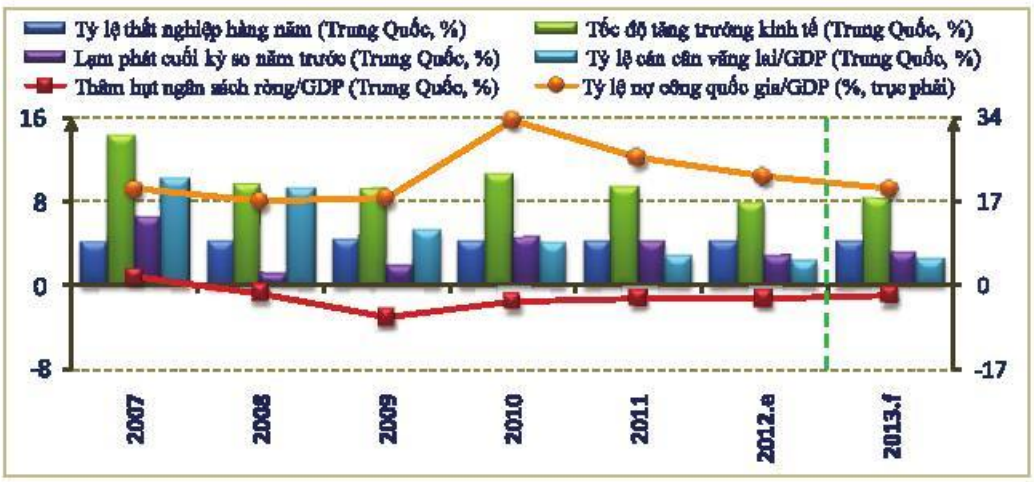

Nguồn: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF, 2012); Ngân hàng Thế giới (WB, 2012); PBC (2012).

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2012 - THÁNG 1/2013

DIỄN BIẾN CÁC CHỈ SỐ KINH TẾ VĨ MÔ CHÍNH

Các chỉ số vĩ mô chính dùng để đo sức khỏe của nền kinh tế gồm: (i) tăng trưởng kinh tế; (ii) lạm phát; (iii) cán cân thương mại, cán cân tài khoản vãng lai; và (iv) việc làm và tiền lương. 4 chỉ số này cho thấy những gam màu sáng tối khác nhau của bức tranh kinh tế vĩ mô trong năm 2012: tuy tăng trưởng kinh tế đã suy giảm đáng kể, song số liệu thống kê chính thức về lao động và việc làm chưa cho thấy những dấu hiệu đáng lo ngại. Điểm sáng của nền kinh tế là lạm phát được kiềm chế và Việt Nam lần đầu tiên sau nhiều năm trở lại vị thế xuất siêu hàng hóa.

Tăng trưởng kinh tế năm 2012 tiếp tục giảm tốc

Tăng trưởng kinh tế năm 2012 suy giảm xuống mức 5,03% (thấp hơn so với mức 5,89% của năm 2011 và là mức thấp nhất kể từ năm 2000 đến nay) một mặt do tổng cầu suy giảm mạnh và mặt khác do suy giảm của tăng trưởng tiềm năng trong chu kỳ kinh doanh, qua đó ảnh hưởng đến tổng cung.

Một số nguyên nhân chủ yếu sau dẫn tới suy giảm tổng cầu năm 2012:

- *Thứ nhất,* tiêu dùng cuối cùng của các hộ gia đình đã giảm tốc đáng kể (từ mức 10% năm 2010 xuống chỉ còn 4,4% năm 2011 và ước tính dưới mức 2% năm 2012) do tác động tiêu cực của sự giảm tốc thu nhập khả dụng và bất ổn kinh tế vĩ mô trong giai đoạn hậu khủng hoảng tài chính toàn cầu và khủng hoảng nợ công châu Âu.
- *Thứ hai,* tích lũy tài sản cố định của các doanh nghiệp cũng sụt giảm rất mạnh tương ứng từ mức 4,5% năm 1990 (tăng trưởng kinh tế 5,09%) xuống chỉ còn 1,6% năm 1999 (tăng trưởng kinh tế 4,77%) và -10,4% năm 2011 (5,89%) do chi phí sở hữu vốn cao (lãi suất vay cao), cầu nội địa sụt giảm và triển vọng kinh tế không được sáng sủa.
- *Thứ ba,* tiêu dùng cuối cùng của Nhà nước cũng có chiều hướng giảm mạnh (tương ứng từ mức 12,3% năm 2010 xuống còn 7,2% năm 2011 và chỉ đạt dưới 6% năm 2012) do triển khai chính sách cắt giảm đầu tư công.
- *Thứ tư,* xuất khẩu ròng hàng hóa và dịch vụ cũng có chiều hướng giảm tốc (từ mức 11,9% năm 2010 xuống chỉ còn ở mức âm -32,7% năm 2011; năm 2012, kim ngạch xuất khẩu sẽ đạt 114,6 tỷ USD – tăng 18,3% và nhập khẩu đạt 114,3 tỷ USD – tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước) do cầu ngoại sụt giảm mạnh bởi tác động tiêu cực của tăng trưởng trì trệ kinh tế Mỹ và cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu cũng như tình trạng giảm phát ở Nhật Bản vẫn chưa hề có dấu hiệu giảm (nếu không muốn nói là ngày càng có dấu hiệu trầm trọng hơn).

Liên quan đến tổng cung, phân tích số liệu cho thấy có sự suy giảm nhất định của *"tăng trưởng kinh tế tiềm năng"*[4] giai đoạn 2008-2012, tạo nên ràng buộc ngày càng chặt chẽ hơn đối với khả năng đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế (nếu muốn tăng trưởng cao hơn mức tiềm năng thì cái giá phải trả sẽ cao hơn, hay nói một cách khác là chi phí đánh đổi giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát của Việt Nam có xu hướng gia tăng trong giai đoạn 2008-2012).

[4] Việc áp dụng cách ước tính tăng trưởng tiềm năng đơn giản là lấy giá trị trung bình của tốc độ tăng trưởng GDP cho một giai đoạn (cụ thể trong trường hợp này là 5 năm) để phân tích số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy tăng trưởng tiềm năng đã suy giảm trong thời gian gần đây, xuống chỉ còn 5,87% trong 5 năm gần đây nhất (2008-2012), từ mức khá cao là 7,78% trong 5 năm trước đó (2002-2006). Những cách ước tính phức tạp hơn (như sử dụng bộ lọc Hodrick-Prescott) cũng xác nhận xu hướng suy giảm của tăng trưởng kinh tế tiềm năng của Việt Nam trong những năm gần đây.

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát năm 2012 đã bước đầu đạt được kết quả khích lệ

Tỷ lệ lạm phát theo năm đã và đang có xu hướng giảm tốc rõ rệt từ mức 18,13% năm 2011 xuống chỉ còn ở mức ước tính 6,81% năm 2012. Kết quả này đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận như là *"một trong những thành công nổi bật nhất của Chính phủ Việt Nam trong năm 2012"* và mức lạm phát thấp này chủ yếu do một số nguyên nhân chính sau đây:

- *Thứ nhất,* tác động tích cực "trễ về mặt chính sách" theo Nghị quyết 11 của Chính phủ ngày 24/2/2011 sau khi nỗ lực triển khai: (i) chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng; (ii) chính sách tài khóa thắt chặt, cắt giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách nhà nước; (iii) thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, khuyến khích xuất khẩu, kiềm chế nhập siêu, sử dụng tiết kiệm năng lượng; (iv) điều chỉnh giá điện, xăng dầu gắn với hỗ trợ hộ nghèo; và (v) tăng cường bảo đảm an sinh xã hội.

- *Thứ hai,* tác động cộng hưởng của cả xu hướng suy giảm tổng cầu (lạm phát cầu kéo sụt giảm do năm nay tốc độ tăng trưởng kinh tế thực nằm dưới mức tăng trưởng tiềm năng) cũng như sự giảm tốc lạm phát chi phí đẩy (phần điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế của nhiều tỉnh, thành phố được hoãn sang đầu năm 2013) và lạm phát tiền tệ năm 2012 (tăng trưởng tín dụng đạt mức tương đối thấp).

- *Thứ ba,* trong giai đoạn 2008-2012, chi phí đánh đổi giữa lạm phát và tăng trưởng đã có xu hướng tăng lên mức cao (do tăng trưởng kinh tế tiềm năng của Việt Nam có xu hướng suy giảm trong những năm gần đây như được nêu trên) nên việc Chính phủ điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng kinh tế xuống mức hợp lý hơn cũng góp một phần giúp hạ thấp đáng kể mức lạm phát thực tế trong chu kỳ kinh doanh.

- *Thứ tư,* lạm phát kỳ vọng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp cũng đã có xu hướng giảm tốc rõ rệt sau những tuyên bố công khai của Chính phủ về nỗ lực cam kết chống lạm phát và đặt ưu tiên hàng đầu mục tiêu ổn định vĩ mô từ đầu năm 2012.

Một trong những thành tựu quan trọng nhất mà Việt Nam đạt được trong năm 2012 là ổn định kinh tế vĩ mô về căn bản đã được thiết lập cho dù nền tảng của ổn định vĩ mô vẫn còn phải tiếp tục được cải thiện (do có dấu hiệu chưa bền vững: lạm phát biến động mạnh khi có điều chỉnh giá các dịch vụ cơ bản như y tế, giáo dục, điện v.v...). Song hành với lạm phát được kiềm chế ở mức thấp, tỷ giá hối đoái cũng được duy trì ở mức tương đối ổn định trong cả năm 2012 và khoảng cách giữa tỷ giá hối đoái chính thức và tự do đã được thu hẹp đáng kể - điều này giúp tăng cường đáng kể niềm tin vào giá trị của đồng nội tệ. Bên cạnh đó, dự trữ ngoại hối quốc gia cũng tăng mạnh. Ổn định kinh tế vĩ mô là điều kiện cần thiết cho duy trì tăng trưởng kinh tế cao và bền vững cũng như cải thiện tăng trưởng tiềm năng trong trung và dài hạn để giúp tạo ra nhiều việc làm và đảm bảo an sinh xã hội.

Sang tháng 1/2013, chỉ số giá tiêu dùng tăng 1,25% so với tháng 12/2012, mức tăng không quá cao khi đang là thời điểm giáp Tết Nguyên đán và tăng 7,07% so với cùng kỳ năm 2012. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tăng một phần do nhu cầu tiêu dùng chuẩn bị cho Tết, mặt khác do một số địa phương áp dụng điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/2/2012 làm cho chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng

cao, đóng góp 0,44% trong chỉ số giá tiêu dùng chung cả nước. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng cao hơn mức tăng chung là: thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,4% (dịch vụ y tế tăng 9,5%); hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,34% (lương thực tăng 0,15%; thực phẩm tăng 1,96%; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,6%); may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,3%. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có chỉ số giá tăng thấp hơn 1% hoặc giảm gồm: thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,54%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,42%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,36%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,33%; giáo dục tăng 0,3%; giao thông tăng 0,03%; bưu chính viễn thông giảm 0,05%.

Cán cân thanh toán năm 2012

Cán cân thương mại hàng hóa năm 2012

Cán cân thương mại trong năm 2012 đã và đang được cải thiện với mức thặng dư ước tính đạt 0,284 tỷ USD. Nếu xét về chủ thể đóng góp có thể thấy khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò quyết định với mức xuất siêu gần 12 tỷ USD (còn khu vực doanh nghiệp trong nước lại nhập siêu gần 11,7 tỷ USD trong năm 2012). Điều này cho thấy sự hạn chế đáng kể về tiếp cận vốn vay, kỹ năng quản trị doanh nghiệp yếu kém và khả năng tham gia mạng sản xuất khu vực cũng như chuỗi giá trị toàn cầu của đa phần các doanh nghiệp trong nước còn yếu, khiến cho năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trở nên thấp hơn nhiều so với các đối thủ cạnh tranh ngoại trên thị trường quốc tế (thị phần xuất khẩu quốc tế bị thu hẹp do tác động của khủng hoảng nợ công châu Âu và trì trệ của kinh tế Mỹ, Nhật Bản và suy giảm tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc và Ấn Độ, đã khiến cho mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xuất khẩu trong và ngoài nước trong cùng ngành hàng trở nên khốc liệt hơn).

Đồ thị 5: Đóng góp điểm phần trăm vào tăng trưởng xuất khẩu theo thành phần kinh tế

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2012; và tính toán của nhóm tác giả.

Xuất siêu trong năm 2012 của Việt Nam đạt được chủ yếu do sự thu hẹp quy mô sản xuất trong nước và sự suy giảm tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình bởi sự giảm tốc thu nhập khả dụng của người dân (xuất khẩu đạt gần 114,6 tỷ USD và nhập khẩu ước đạt 114,3 tỷ USD)[5].

[5] Điều này có thể thấy rõ từ đồng đẳng thức vĩ mô: GDP=C+I+G+(X-IM), với C là tiêu dùng của người dân, I – đầu tư, G – chi tiêu Chính phủ, X – xuất khẩu, phụ thuộc vào GDP toàn cầu và IM – nhập khẩu, phụ thuộc vào GDP trong nước. Bởi vậy nên khi tổng cầu của Việt Nam sụt giảm mạnh thì nhập khẩu giảm tương ứng, qua đó tạo ra xuất khẩu ròng.

Các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam năm 2012 vẫn là thị trường EU (ước đạt 20,3 tỷ USD và tăng 22,5% so với năm trước); tiếp đến là thị trường Mỹ (đạt 19,6 tỷ USD - tăng 15,6%); rồi đến thị trường ASEAN (đạt 17,3 tỷ USD - tăng 27,2%); thị trường Nhật Bản (đạt 13,1 tỷ USD - tăng 21,4%). Mặc dù khủng hoảng nợ công châu Âu vẫn chưa có dấu hiệu giảm trong năm 2012 nhưng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nền kinh tế Việt Nam sang các thị trường EU, Mỹ, ASEAN và Nhật Bản vẫn tăng cao. Điều này có thể được lý giải là do: (i) phần lớn lượng hàng xuất khẩu của Việt Nam vào những thị trường này là của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (họ vẫn tham gia ổn định được vào mạng sản xuất khu vực và chuỗi giá trị toàn cầu) nên họ đã và đang duy trì được sự ổn định tương đối về tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngay cả trong giai đoạn cầu ngoại bị thu hẹp; hoặc (ii) do các doanh nghiệp trong nước chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng thứ cấp (hàng hóa thiết yếu) nên hệ số co giãn của cầu theo thu nhập của người dân (cầu ngoại) nhiều khả năng sẽ nằm trong khoảng từ 0 đến 1. Hay nói một cách khác là khi một bộ phận không nhỏ người dân ở khu vực EU, Mỹ, ASEAN và Nhật Bản có thu nhập giảm tốc giai đoạn hậu khủng hoảng thì cầu của họ đối với hàng hóa sơ cấp và hàng hóa cao cấp sẽ giảm mạnh, còn riêng đối với hàng hóa thứ cấp (như các mặt hàng thiết yếu của Việt Nam) thì cầu đối với hàng hóa thứ cấp không những không giảm, mà thậm chí còn tăng nhẹ. Hơn nữa Trung Quốc đã bắt đầu rời phân khúc này để xuất khẩu các sản phẩm có giá trị cao hơn và do vậy giảm bớt sức ép cạnh tranh đối với nhóm hàng xuất khẩu này của Việt Nam. Số liệu của Tổng cục Thống kê trong năm 2012 cho thấy các nhóm hàng dệt may, điện thoại và linh kiện, điện tử và máy tính, dầu thô, giày dép v.v... là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam và đều có mức tăng tương đối tốt trong bối cảnh thương mại toàn cầu bị suy giảm đáng kể.

Đồ thị 6: Đóng góp điểm phần trăm vào tăng trưởng xuất khẩu theo nhóm mặt hàng

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2012; và tính toán của nhóm tác giả.

Sang tháng 1/2013, xu hướng tích cực trong xuất nhập khẩu hàng hóa của năm 2012 vẫn tiếp tục được duy trì, Việt Nam vẫn đạt được xuất khẩu ròng. Trong tháng 1/2013, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 10,1 tỷ USD, tuy giảm 2,5% so với tháng 12/2012, song nếu so với cùng kỳ năm 2012 thì lại tăng 43,2%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 36,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 47,3%. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 1/2013 ước tính đạt 9,9 tỷ USD, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 42,3% so với tháng 1/2012.

Cán cân thương mại dịch vụ năm 2012

Trong năm 2012, cán cân thương mại dịch vụ của Việt Nam đã thâm hụt 3,1 tỷ USD (tăng 8,3% so với mức cùng kỳ năm trước). Một mặt, kim ngạch dịch vụ xuất khẩu ước đạt 9,4 tỷ USD năm 2012 (tăng 6,3% so với năm trước), trong đó dịch vụ du lịch đạt 6,6 tỷ USD (tăng 18% so năm trước) còn dịch vụ vận tải lại suy giảm 15,5% xuống chỉ còn ở mức 2,1 tỷ USD năm 2012 (chủ yếu do tăng trưởng thương mại toàn cầu sụt giảm mạnh). Mặc khác, kim ngạch dịch vụ nhập khẩu ước đạt 12,5 tỷ USD (tăng 5,7% so năm trước), trong đó dịch vụ du lịch ước đạt 1,9 tỷ USD (tăng 8,5% so năm trước). Do cán cân thương mại dịch vụ thâm hụt lớn (3,1 tỷ USD) trong khi cán cân thương mại hàng hóa thặng dư ít (0,284 tỷ USD) nên nhìn chung cán cân thương mại hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam trong năm 2012 vẫn rơi vào tình trạng thâm hụt.

Cán cân tài khoản vãng lai năm 2012

Về cơ bản, sự biến động của cán cân thương mại trong năm 2012 đã lý giải phần lớn xu hướng vận động của cán cân vãng lai trong cùng kỳ. Bên cạnh đó, do tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội/GDP theo giá hiện hành đã giảm tốc xuống mức 33,5% năm 2012 (từ mức 36,4% năm 2011) nên khoảng cách chênh lệch giữa tiết kiệm và đầu tư đã phần nào được thu hẹp, qua đó ảnh hưởng tích cực tới việc thu hẹp quy mô thâm hụt cán cân tài khoản vãng lai trong cùng kỳ. Ngoài ra, cán cân tài khoản vãng lai của Việt Nam trong năm 2012 cũng được cải thiện thêm nhờ sự đóng góp của lượng kiều hối gửi về (ước đạt khoảng 10 tỷ USD) và một phần không nhỏ trong số kiều hối này chảy vào trong nước là nhằm hưởng chênh lệch lãi suất giữa Việt Nam và thế giới. Thêm vào đó, còn phải kể đến lượng kiều hối thu được từ dịch vụ xuất khẩu lao động chuyển về trong năm 2012 (ước đạt 1,7-2 tỷ USD). Nhờ tác động cộng hưởng của tất cả những yếu tố này mà thâm hụt cán cân tài khoản vãng lai của Việt Nam năm 2012 đã được cải thiện đáng kể.

Tóm lại, bên cạnh việc đạt thặng dư cán cân thương mại hàng hóa thì việc bổ sung lượng vốn ODA giải ngân mà Việt Nam nhận được trong năm 2012 (cam kết ước đạt 7,4 tỷ USD và giải ngân ước đạt 3,9 tỷ USD) cũng như lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện cả năm ước đạt 10,5 tỷ USD cũng như kiều hối và nguồn tiền từ những người đi lao động ở nước ngoài chuyển về Việt Nam (ước đạt 8,9 tỷ USD) đã giúp cho cán cân thanh toán tổng thể của nền kinh tế Việt Nam đạt thặng dư lớn (khoảng 10 tỷ USD), xấp xỉ bằng với mức kỷ lục trong năm 2007 (cán cân thanh toán tổng thể đạt mức thặng dư khoảng 10,1 tỷ USD sau khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO và trở thành điểm nóng thu hút vốn đầu tư trực tiếp FDI và đầu tư gián tiếp FII đối với các nhà đầu tư quốc tế). Đặc biệt, dòng đầu tư từ Nhật Bản và Hàn Quốc vẫn tiếp tục gia tăng, phản ánh xu hướng dịch chuyển các doanh nghiệp chế tạo trong mạng sản xuất toàn cầu của các công ty đa quốc gia của họ ra khỏi Trung Quốc và đây là một xu hướng mà Việt Nam cần tận dụng khai thác.

Đồ thị 7: Thặng dư cán cân thanh toán tổng thể của Việt Nam năm 2012 (tỷ USD)

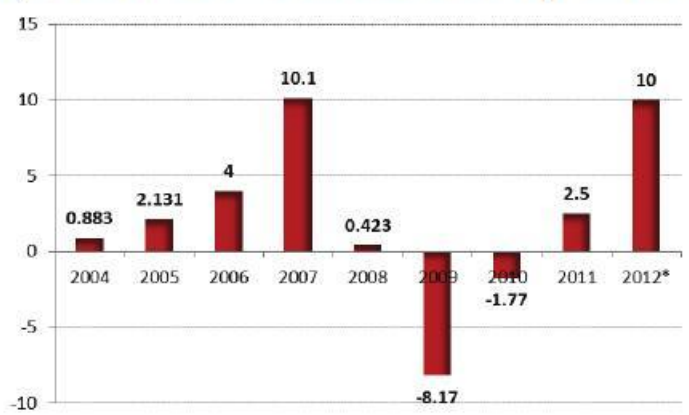

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2012.

Việc làm và thu nhập năm 2012

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong năm 2012 vẫn tăng 2,7% so với mức cùng kỳ năm trước, trong đó tỷ trọng lao động làm việc ở khu vực nông - lâm - thủy sản cũng như công nghiệp và xây dựng đều đã có chiều hướng giảm tốc tới các mức 47,5% và 21,1% năm 2012 (từ các mức 48,4% và 21,3% trong năm 2011). Như vậy, nếu xét theo ngành kinh tế thì ngành dịch vụ được cho là đóng góp tích cực trong cải thiện việc làm cho lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2012. Nếu xét theo thành phần kinh tế có thể thấy rõ khu vực ngoài nhà nước đóng góp lớn nhất vào tạo việc làm mới cho lao động từ 15 tuổi trở lên (chiếm khoảng 86,3% lượng lao động đang làm việc trong nền kinh tế năm 2012). Mặc dù tăng trưởng kinh tế suy giảm nhưng số liệu Điều tra Lao động và Việc làm của Tổng cục Thống kê trong các quý I, II và III của năm 2012 cho thấy nhìn tổng thể các kết quả của thị trường lao động (được đo qua ba chỉ số chính là: (i) tỷ lệ thất nghiệp; (ii) tỷ lệ thiếu việc làm; và (iii) thu nhập và tiền lương) vẫn được cải thiện nhẹ trong năm 2012. Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi của năm 2012 đều tương ứng giảm nhẹ xuống các mức 1,99% và 2,8% (so với các mức 2,22% và 2,96% trong năm 2011). Đối với khu vực thành thị, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi cho dù vẫn cao hơn mức thất nghiệp bình quân chung trên phạm vi cả nước nhưng lại thể hiện sự giảm nhẹ từ mức 3,6% trong năm 2011 xuống chỉ còn ở mức 3,25% trong năm 2012. Sự vận động "trái chiều" này có thể là do đặc điểm "hệ thống an sinh xã hội còn yếu" nên những lao động bị mất việc phải chủ động chuyển ngay sang tìm kiếm việc làm ở khu vực thị trường lao động phi chính thức (phần đông trong số lao động mất việc này đã tạm thời chấp nhận làm các công việc mới với mức thu nhập tương đối thấp, bấp bênh và thường là trong điều kiện làm việc kém) cũng như do tác động của yếu tố thất nghiệp chu kỳ khi nền kinh tế năm 2012 đang dao động quanh điểm đáy của chu kỳ kinh doanh.

Về thu nhập trung bình của người lao động, con số này là 3,9 triệu vào quý 1/2012, giảm xuống 3,57 triệu vào quý 2/2012 và tăng trở lại lên 3,77 triệu vào quý 3/2012, tức tăng 16,4% so với mức 3,24 triệu vào quý 4/2011 và mức tăng này vẫn cao hơn so với tốc độ tăng giá CPI. Kết quả của thị trường lao động qua các chỉ số thống kê nêu trên nằm ngoài dự đoán của các chuyên gia phân tích và điều này khó lý giải trong bối cảnh khu vực doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2012, dẫn đến việc nhiều doanh nghiệp phải giải thể và hoạt động cầm chừng[6]. Kể cả nếu các số liệu nêu trên là chính xác thì cũng không có gì bảo đảm thị trường lao động sẽ tiếp tục diễn biến tích cực trong năm 2013, nếu tình trạng khó khăn còn tiếp tục kéo dài trong khu vực doanh nghiệp.

[6] Theo số liệu ước tính của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến ngày 30/11/2012, cả nước có tới 48,473 nghìn doanh nghiệp giải thể và tạm dừng hoạt động, đồng thời đến cuối năm (31/12/2012) thì con số ước tính vào khoảng 55 nghìn doanh nghiệp giải thể và tạm dừng hoạt động. Mặc dù con số doanh nghiệp gia nhập thị trường còn cao hơn (ước tính đạt 65 nghìn doanh nghiệp) song vẫn có nhiều quan ngại về tác động tiêu cực của tình trạng kinh tế khó khăn tới triển vọng việc làm và qua đó tới thu nhập và phúc lợi xã hội của người lao động , do các doanh nghiệp trong giai đoạn đầu mới thành lập đóng góp có thể còn chưa đóng góp nhiều cho quá trình tạo việc làm mới trong năm 2012.

PHẢN ỨNG CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2012

Chính sách tiền tệ

Để phục vụ đồng thời mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ khôi phục tổng cầu, trong năm 2012, chính sách tiền tệ đã được điều hành linh hoạt theo hướng bớt thắt chặt hơn. Lãi suất chiết khấu đã được điều chỉnh linh hoạt (tới 6 lần) theo xu hướng giảm dần từ mức 12% ngày 13/3/2012 (theo Quyết định số 693/QĐ-NHNN 10/4/2012) xuống tới 10% ngày 28/5/2012 (theo Quyết định số 1081/QĐ-NHNN 25/5/2012) và chỉ còn ở mức 7% vào ngày 24/12/2012 (theo Quyết định số 2646/QD-NHNN). Trong vòng 6 tháng đầu năm, lãi suất chiết khấu được điều chỉnh giảm 5 lần (từ mức 12% ngày 13/3/2012 xuống tới mức 8% ngày 1/7/2012) nhưng trong vòng 6 tháng cuối năm lại chỉ điều chỉnh giảm 1 lần (xuống tới 7% vào ngày 24/12/2012). Lãi suất tái cấp vốn cũng được điều chỉnh giảm linh hoạt (6 lần) tương ứng từ mức 14% vào ngày 13/3/2012 (theo Quyết định số 407/QĐ-NHNN 12/3/2012) xuống mức 10% vào ngày 1/7/2012 (theo Quyết định số 1289/QĐ-NHNN 29/6/2012) và tiếp tục giảm xuống chỉ còn ở mức 9% vào ngày 24/12/2012 (2646/QĐ-NHNN).

Liên quan đến việc cung ứng tiền và cung ứng tín dụng cho nền kinh tế, so với định hướng mục tiêu đặt ra cho năm 2012, tổng phương tiện thanh toán tăng trưởng vượt mục tiêu đề ra (đạt mức tăng trưởng 22,4%) và một phần là do Ngân hàng Nhà nước đẩy mạnh việc mua ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối và cũng như các nỗ lực chống "vàng hóa" nền kinh tế. Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng lại thấp hơn nhiều so với mục tiêu đề ra trong cùng kỳ (chỉ đạt 8,91%) do những vấn đề liên quan đến nợ xấu làm dòng tín dụng "bị kẹt" cho dù thanh khoản trong toàn hệ thống khá dồi dào. Thực tế cho thấy, tốc độ quay vòng của tiền tệ đã bị chậm lại đáng kể trong năm 2012[7], phản ánh sự trì trệ của nền kinh tế và sự sụt giảm lòng tin của thị trường (giữa các nhà đầu tư, giữa các ngân hàng thương mại, giữa ngân hàng và doanh nghiệp, giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với ổn định kinh tế vĩ mô, giữa niềm tin của người tiêu dùng đối với triển vọng hồi phục kinh tế năm 2013).

Nhận định chung về việc điều hành chính sách tiền tệ trong năm 2012, thông qua việc cung cấp tổng phương tiện thanh toán cho nền kinh tế và việc điều chỉnh giảm lãi suất chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn là đã có những bước đi hợp lý và tích cực, giúp tăng thanh khoản của các ngân hàng thương mại. Đồng thời thực tiễn điều hành cũng cho thấy sự thận trọng của Ngân hàng Nhà nước nhằm bảo đảm được mục tiêu kiềm chế lạm phát: chỉ khi biết chắc chắn lạm phát cả năm ở mức khá thấp thì mới tiếp tục điều chỉnh hạ lãi suất chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn vào thời điểm cuối năm. Đây là sự thận trọng cần thiết, do bản thân lạm phát lại là một "biến nội sinh" (endogenous variable), phụ thuộc vào lãi suất thông qua cơ chế tác động lên kỳ vọng của công chúng. Mối quan hệ qua lại 2 chiều giữa lãi suất và lạm phát đòi hỏi phải có những bước đi thận trọng, đặc biệt là khi việc điều chỉnh đã đi vào vùng nhạy cảm có thể tạo ra một sự "đảo chiều" trong kỳ vọng lạm phát của công chúng.

Tuy việc điều hành lãi suất còn mang tính chất hành chính nhưng trong năm 2012 các giải pháp này cũng giúp hạ thấp mặt bằng lãi suất cho vay (giảm khoảng 5-9 điểm phần trăm/năm so với năm 2011) và đang hướng đến mặt bằng lãi suất của thời kỳ trước khủng hoảng tài chính toàn cầu (năm 2007) và mặt bằng lãi suất huy động bằng tiền đồng cũng giảm theo (giảm khoảng 3-6%/năm). Điều này cũng phù hợp với động thái của lạm phát, với xu hướng giảm tốc mạnh trong cả năm 2012 (ngoại trừ đợt tăng đột biến chỉ số giá tiêu dùng - tăng khoảng 2,2% vào tháng 9/2012 so với tháng trước, chủ yếu do sự

[7] Tốc độ lưu thông tiền tệ đã giảm mạnh từ 3,84 năm 1997 xuống tới mức 0,92 năm 2008 và tiếp tục giảm mạnh xuống chỉ còn ở mức 0,8 trong năm 2012.

phối hợp thiếu hiệu quả trong quá trình điều hành chính sách quản lý giá giữa các Bộ cũng như giữa Trung ương với các địa phương về tăng giá dịch vụ (y tế và giáo dục), qua đó góp phần duy trì được kỳ vọng tích cực về lạm phát. Cơ cấu phân bổ tín dụng cũng khá hợp lý xét từ góc độ hỗ trợ một cơ cấu tăng trưởng có lợi cho việc làm và xuất khẩu, với sự gia tăng tỷ trọng dành cho khu vực nông nghiệp, nông thôn (tăng khoảng 8%) và lĩnh vực xuất khẩu (tăng 14%) cũng như khối doanh nghiệp vừa và nhỏ (tăng khoảng 6,15%), đồng thời giảm dần tỷ trọng cho vay đối với lĩnh vực không khuyến khích (chiếm khoảng 4,4% so tổng dư nợ cho vay của nền kinh tế).

Xử lý nợ xấu trong chương trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng

Cần phân định rõ vấn đề liên quan đến việc điều hành chính sách tiền tệ với những vấn đề mang tính cơ cấu của hệ thống ngân hàng nói riêng và của nền kinh tế nói chung. Trong bối cảnh chính sách tiền tệ cung cấp thanh khoản dồi dào cho nền kinh tế thì dòng tín dụng "bị kẹt" có nguyên nhân mang tính cơ cấu - đó là do nợ xấu trong hệ thống ngân hàng ở mức cao và có xu hướng gia tăng; do quá trình cắt giảm nợ sau một giai đoạn phát triển nóng đang tiếp tục diễn ra ở cấp doanh nghiệp, cấp hộ gia đình, toàn bộ nền kinh tế và trên toàn cầu, tất cả đã làm suy giảm khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp và khả năng cho vay của các ngân hàng thương mại (rủi ro có xu hướng gia tăng nên các ngân hàng thương mại đặt ra yêu cầu cho vay chặt chẽ hơn và khó giảm lãi suất cho vay hơn).

Do đó, xử lý nợ xấu - một nội dung quan trọng của tái cơ cấu hệ thống ngân hàng cần được xem xét trong một khuôn khổ rộng lớn hơn, trong mối liên quan hai chiều với tăng trưởng kinh tế. Cũng giống như lạm phát, tăng trưởng kinh tế cũng là biến nội sinh và có quan hệ hai chiều với dòng tín dụng để có thể tạo ra một vòng luẩn quẩn khi tương tác với nhau: tăng trưởng suy giảm có tác động làm gia tăng nợ xấu và đến lượt mình, nợ xấu gia tăng sẽ làm tắc nghẽn dòng tín dụng nuôi dưỡng nền kinh tế thực và qua đó sẽ có tác động làm tăng trưởng tiếp tục suy giảm. Tốc độ tăng trưởng 5,03% năm 2012 – mức thấp nhất trong vòng hơn một thập niên – đã phần nào cho thấy nền kinh tế Việt Nam có nguy cơ rơi vào vòng luẩn quẩn này nếu không nhanh chóng giải quyết vấn đề nợ xấu.

Mặc dù vẫn còn một số khác biệt liên quan đến số liệu nợ xấu nhưng có một điểm chung đó là nợ xấu đang ở mức cao và tăng nhanh. *Về quy mô nợ xấu (trạng thái tĩnh của nợ xấu),* theo báo cáo giám sát từ xa của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng Nhà nước, tổng nợ xấu của toàn hệ thống các TCTD đến 30/9/2012 là 200.749 tỷ đồng, chiếm 7,43% tổng dư nợ tín dụng. Còn theo báo cáo của các TCTD, nợ xấu hạch toán nội bảng đến ngày 30/9/2012 là 133.060 tỷ đồng, chiếm 4,93% tổng dư nợ tín dụng.

Diễn biến nợ xấu (trạng thái động của nợ xấu) tăng trưởng nhanh. Nợ xấu đã tăng trưởng nhanh trong giai đoạn 2008-2012 (tương ứng từ 75% năm 2008 giảm mạnh xuống mức 27% năm 2009 và rồi tăng vọt lên 64% năm 2011 và 66% trong 9 tháng đầu năm 2012). Sở dĩ tăng trưởng nợ xấu giảm mạnh năm 2009 chủ yếu do mẫu số "quy mô tín dụng tăng vọt" do thực hiện kích cầu nên tạm thời che khuất nguy cơ lúc đó về nợ xấu – tuy nhiên, về sau nợ xấu bộc lộ mạnh hơn khi tăng trưởng tín dụng giảm tốc gắn với hậu quả của chất lượng tín dụng thấp khi triển khai kích cầu. Trạng thái động của nợ xấu có liên quan trực tiếp và chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế, giống như hai mặt của một đồng

tiền. Hiện nay, vòng xoáy "tăng trưởng suy giảm – nợ xấu gia tăng" như được nêu ở trên đang trở nên ngày một hiện hữu đối với nền kinh tế Việt Nam.

Cơ cấu nợ xấu: theo Ngân hàng Nhà nước, tính đến thời điểm 30/9/2012 lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất (khoảng 22,5%), tiếp đến là lĩnh vực bất động sản và hoạt động dịch vụ (khoảng 19,25%), kế tiếp là lĩnh vực buôn bán-sửa chữa ô tô và xe máy (khoảng 18,52%), lĩnh vực vận tải và kho bãi (khoảng 11%), lĩnh vực xây dựng (khoảng 9,5%) và các lĩnh vực còn lại (khoảng 19,23%)[8].

Vấn đề nợ xấu và giải quyết nợ xấu ***trong lĩnh vực bất động sản*** hiện nay đang được sự quan tâm đặc biệt. Đây thực sự là một vấn đề lớn, do dư nợ tín dụng liên quan đến bất động sản, như vay kinh doanh bất động sản, vay đầu tư sản xuất kinh doanh và thế chấp bằng bất động sản v.v... chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng dư nợ. Hơn nữa, nợ xấu bất động sản kéo theo sự trì trệ của hai ngành quan trọng đối với việc làm và an sinh xã hội là xây dựng (tạo việc làm cho khoảng 3,3 triệu lao động, hay 6,4% tổng lao động của nền kinh tế; lao động trong ngành xây dựng có mức thu nhập thấp hơn so với mức trung bình của nền kinh tế và 88,9% lao động trong ngành này không có bảo hiểm xã hội) và vật liệu xây dựng (khoảng trên 500.000 lao động, tức trên 1% tổng số lao động của nền kinh tế và 62,3% lao động trong ngành này không có bảo hiểm xã hội).

Quy mô nợ xấu của lĩnh vực bất động sản là đáng kể, song vấn đề còn lớn hơn khi phân tích ***trạng thái động***: với một nền kinh tế đang ở trong quá trình điều chỉnh theo hướng thoái nợ (deleveraging) sau một giai đoạn tăng trưởng nóng dựa trên tăng trưởng tín dụng ở mức cao thì những lĩnh vực nóng nhất và sử dụng vay nợ nhiều nhất, trong đó đặc biệt là bất động sản[9], sẽ phải điều chỉnh mạnh nhất để có thể đưa nền kinh tế trở về quỹ đạo cân bằng và bền vững.

Nếu nhìn vào bảng cân đối tài sản của các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đang niêm yết với số liệu được cập nhật theo quý thì có thể thấy ở nhiều doanh nghiệp nợ chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng tài sản. Trong bối cảnh thị trường bất động sản được dự báo còn tiếp tục điều chỉnh từ trạng thái giá bong bóng để trở về mức cân bằng dài hạn, giá trị tài sản (bất động sản) sẽ phải co lại đáng kể, trong khi giá trị của các khoản nợ sẽ tiếp tục nở ra (do doanh nghiệp vẫn phải tiếp tục trả lãi đối với các khoản vay trong bối cảnh lãi suất vẫn còn duy trì ở mức cao). Sự kéo dài của tình trạng "nợ nở ra, tài sản co lại" sẽ làm không ít các doanh nghiệp bị cạn vốn và phá sản, ảnh hưởng mạnh đến thanh khoản của các ngân hàng có liên quan và qua đó đe dọa đến sự an toàn của hệ thống ngân hàng.

[8] Trong mỗi lĩnh vực nêu trên, nợ xấu lại có tính đặc thù và do vậy bên cạnh các giải pháp chung thì cần có các giải pháp đặc thù cho nợ xấu trong từng lĩnh vực. Ví dụ, để giảm nợ xấu và mang tính liên hoàn trong ngành năng lượng (điện nợ than, dẫn đến than nợ ngân hàng và các doanh nghiệp khác) là ngành đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế thì một mặt cần tái cơ cấu mạnh mẽ đối với EVN, xóa bỏ đầu tư ngoài ngành, áp dụng các biện pháp giảm giá thành và nâng cao hiệu quả, đưa vào phương thức quản trị và giám sát hiệu quả; song mặt khác cần kiên định thực hiện lộ trình xóa bỏ dần bù lỗ và chuyển sang cơ chế thị trường để xóa bỏ những méo mó giá cả làm sai lệch sự phân bổ nguồn lực gây bất lợi cho ngành điện trong khi không khuyến khích công nghệ tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường. Đối với ngành thủy sản, cần có những hỗ trợ để giúp giải quyết nợ xấu và những khó khăn tạm thời, do ngành này được thừa nhận rộng rãi là có lợi thế so sánh và khả năng cạnh tranh quốc tế, đồng thời có tầm quan trọng đối với phát triển nông thôn. Song đối với một số ngành chế biến chế tạo khác có thể không cần sự can thiệp của Nhà nước. Thay vào đó, một "sự hủy diệt tích cực" (creative destruction) là cách tốt nhất để loại bỏ các doanh nghiệp kém hiệu quả và chuyển nguồn lực sang các doanh nghiệp có hiệu quả, qua đó giải quyết nợ xấu một cách bền vững. Giải quyết nợ xấu trong ngành xây dựng hay vật liệu xây dựng lại liên quan đến đầu tư công hay sự phát triển của thị trường bất động sản.

[9] Lĩnh vực bất động sản là biểu hiện rõ nét nhất của nền kinh tế bong bóng được tạo ra do chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ được nới lỏng kéo dài, dẫn đến đầu cơ tài sản diễn ra trên diện rộng trong toàn bộ nền kinh tế, ở cả khu vực doanh nghiệp cũng như người dân.

Do quy mô các tài sản "độc hại" (toxic assets - tức là các tài sản không có khả năng thanh khoản, ít nhất là trong ngắn hạn) hiện nay đã ở mức đáng kể nên các giải pháp cần được thực hiện nhanh chóng để có thể "hãm phanh" lại được quá trình "nợ nở ra, tài sản co lại". Tuy nhiên có nhiều thách thức liên quan đến việc thực hiện các giải pháp giải quyết nợ xấu của lĩnh vực bất động sản, cụ thể là:

- ***Sai lệch lớn trong quan hệ cung cầu bất động sản về nhà ở:*** một số chuyên gia đã đưa ra hình tượng về hai hình kim tự tháp lắp ngược nhau khi nói về quan hệ cung cầu bất động sản, trong đó, nguồn cung các sản phẩm nhà ở trung cấp và cao cấp với giá trị cao chiếm tỉ trọng lớn và do vậy hoàn toàn sai lệch với cơ cấu của cầu, được chi phối bởi nhu cầu đối với các sản phẩm nhà ở bình dân với giá trị khiêm tốn.
- ***Sai lệch lớn trong kỳ vọng của các doanh nghiệp bất động sản:*** tình trạng đầu cơ diễn ra trên diện rộng và kéo dài đã làm sai lệch hoàn toàn các tín hiệu thị trường, tạo ra kỳ vọng sai lệch "giá đất và bất động sản chỉ có tăng chứ không thể giảm". Cho dù thị trường đã bị đóng băng một thời gian khá dài xong không ít doanh nghiệp kinh doanh bất động sản vẫn cho rằng khó khăn của thị trường bất động sản - kể cả ở phân khúc nhà ở trung cấp và cao cấp, chỉ là tạm thời và giá cả đã chạm đáy nên sẽ chóng hồi phục. Rõ ràng điều này không đúng nếu chúng ta nhìn ra thế giới (giá bất động sản ở các thành phố lớn của Việt Nam thuộc loại cao ở trên thế giới trong khi thu nhập bình quân đầu người thuộc nhóm thấp ở trên thế giới[10]) và nhìn về tương lai (quá trình điều chỉnh đưa nền kinh tế trở về quỹ đạo tăng trưởng cân bằng và bền vững ở Việt Nam còn cần có thời gian, ít nhất là trong trung hạn, và do vậy nên thu nhập và chi tiêu của người dân, kể cả giới thượng lưu và trung lưu cũng sẽ còn phải điều chỉnh theo xu hướng giảm). Quá trình điều chỉnh trên thị trường bất động sản có khả năng còn kéo dài do không ít các doanh nghiệp bất động sản vẫn găm giá để chờ một sự "giải cứu" từ phía Nhà nước. Tuy nhiên, đây là một kỳ vọng hoàn toàn sai lệch, vì với quy mô hiện nay của nợ xấu trên thị trường bất động sản, Nhà nước không đủ khả năng giải cứu, kể cả nếu muốn. Hơn nữa, Nhà nước cũng không thể chấp nhận giải cứu vì điều này càng khuyến khích rủi ro đạo đức, làm cho các doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh liều mạng vì "lãi bỏ túi, lỗ sẽ có Nhà nước lo", tạo ra mầm mống cho các cuộc khủng hoảng nợ xấu trong tương lai[11].

Chính sách tài khóa và tái cơ cấu đầu tư công

Nhằm giúp đạt mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, chính sách tài khóa trong năm 2012 đã được điều hành tương đối linh hoạt theo hướng bớt thắt chặt hơn. Cụ thể, Nhà nước đã thực hiện hàng loạt biện pháp giãn thời hạn nộp tiền sử dụng đất, giãn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp v.v... cho hàng trăm nghìn doanh nghiệp và hộ kinh doanh với tổng số tiền khoảng 26 nghìn tỷ đồng (trong đó được gia hạn sang năm 2013 là khoảng 4,5 nghìn tỷ đồng).

[10] Giá nhà đất tăng lên hơn 100 lần trong vòng 20 năm. Giá nhà ở trung bình cao hơn 25 lần so với thu nhập bình quân hàng năm của người lao động. Đồng thời, giá nhà ở Việt Nam lớn hơn gấp 5 lần so với các nước phát triển và gấp 10 lần so với nước chậm phát triển. Trong khi đó, so với thu nhập, giá bất động sản trung bình ở các nước châu Âu chỉ bằng 7 lần, Thái Lan là 6,3 lần, Singapore là 5,2 lần.

[11] Nhiều vấn đề liên quan đến thực trạng và giải pháp cho thị trường bất động sản đã được thảo luận sôi nổi tại cuộc toạ đàm với chủ đề "Thực trạng, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho bất động sản" do Ủy ban Kinh tế của Quốc hội tổ chức ngày 17/1/2013.

Mặc dù quy mô của những gói giải pháp tài khóa này còn nhỏ và thời điểm triển khai chậm cũng như đối tượng hưởng thụ còn hẹp nhưng về căn bản đã đóng góp tích cực cho mục tiêu chung là tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và hỗ trợ thị trường trong thời kỳ suy giảm tăng trưởng kinh tế.

Trong năm 2012, mặc dù gặp nhiều khó khăn trong thu ngân sách (do số lượng doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, tạm ngưng sản xuất và phá sản vẫn chưa có chiều hướng thuyên giảm) nhưng thâm hụt ngân sách chỉ ở mức 4,8% GDP, đạt chỉ tiêu Nghị quyết của Quốc hội đề ra. Cụ thể, tính đến thời điểm 15/12/2012 tổng thu ngân sách nhà nước ước tính đạt vượt mức dự toán năm (đạt 109,3% so với kế hoạch dự toán của năm 2012) và phần đóng góp chủ yếu là do phần tăng thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu (bằng 123,1% dự toán) và phần tăng thu từ các khoản thu nội địa (bằng 107% dự toán). Trong cơ cấu thu ngân sách nội địa của năm 2012, thì thu từ thuế thu nhập cá nhân có mức gia tăng mạnh nhất (bằng 121,2% so với thu dự toán), thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước (bằng 103,1% thu dự toán năm), thu từ phí và lệ phí (bằng 100,7% thu dự toán), thu từ các doanh nghiệp thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chưa kể dầu thô (bằng 100,6% dự toán). Trong bối cảnh suy giảm tăng trưởng kinh tế và sức mua thị trường nội địa vẫn còn yếu thì việc thu vượt mức 21,2% thuế thu nhập cá nhân một mặt có thể là tốt đối với cải thiện thâm hụt cán cân ngân sách nhưng lại không tốt đối với mục tiêu khôi phục sức cầu thị trường nội địa (vì thuế thu nhập cá nhân làm giảm thu nhập khả dụng và qua đó làm giảm chi tiêu dùng của người nộp thuế).

Bên cạnh đó, tính đến thời điểm 15/12/2012, tổng chi ngân sách nhà nước có chiều hướng giảm tốc và ước chỉ đạt 98,4% dự toán của cả năm. Cụ thể, trong khi chi ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển chỉ đạt 98,4% tổng dự toán cả năm (còn chi đầu tư xây dựng cơ bản cũng chỉ đạt 97,9% tổng dự toán năm) và chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể (bằng 99,6% tổng dự toán năm) thì trái lại chi ngân sách nhà nước cho trả nợ và viện trợ đã vượt mức dự toán năm (bằng 114,1% tổng dự toán của năm). Nhìn tổng thể, việc giảm chi ngân sách đi kèm với tăng thu ngân sách đã giúp cho cán cân thâm hụt ngân sách của Việt Nam trong năm 2012 được cải thiện, song nếu xét trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục khó khăn và nền kinh tế trong nước tiếp tục trì trệ thì chính sách tài khóa vẫn chưa bảo đảm tính ngược chu kỳ (counter-cyclical) để giúp trực tiếp giảm bớt nợ xấu trong một số lĩnh vực và chặn đà suy giảm tăng trưởng, qua đó tạo hiệu ứng lan tỏa giúp giảm nợ xấu trong một số lĩnh vực khác.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2013

Triển vọng kinh tế thế giới năm 2013

Nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao nên triển vọng kinh tế thế giới có tác động đáng kể đến triển vọng kinh tế trong nước. Cụ thể, triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ ảnh hưởng đến cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam (cầu ngoại – external demand) trong khi đó triển vọng của thị trường dầu mỏ quốc tế - đầu vào chiến lược của nền kinh tế Việt Nam, ảnh hưởng đến cả tăng trưởng lẫn lạm phát thông qua cơ chế tác động chi phí đẩy.

Triển vọng tăng trưởng thế giới

Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố tháng 12/2012, tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2013 sẽ đạt mức 3,6% nhích hơn so sới mức tăng trưởng thực khoảng 3,3% trong năm 2012; các nền kinh tế phát triển sẽ tăng trưởng ở mức 1,6%; các nền kinh tế BRIC (bao gồm Braxin, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc) tăng trưởng khoảng 5,5%; kinh tế châu Phi tăng trưởng khoảng 5,5%; kinh tế khu vực Mỹ La tinh và Caribê tăng trưởng khoảng 4,7%; kinh tế Trung Quốc tăng trưởng khoảng 7,5%; kinh tế ASEAN tăng trưởng khoảng 5,5%[12].

Bảng 1. Thực trạng tăng trưởng kinh tế thế giới 2012 và dự báo 2013 (%)

Quốc gia, khu vực	*Năm 2012*	*Năm 2013*
Toàn cầu	3,3	3,6
Các nước phát triển	1,3-1,4	1,6
Các nước EU	-0,3	0,4
Khu vực đồng Euro	-0,4	0,1
Các nước BRICs	5,0-5,3	5,5
Các nước đang phát triển	-	5,6
Tăng trưởng tại một số nền kinh tế lớn		
Mỹ	1,5	2,3-3,0
Nhật Bản	2,2	1,0
Trung Quốc	8,0	7,5
Ấn Độ	5,7-5,9	6,3

Nguồn: IMF, các tổ chức tài chính khu vực, báo cáo quốc gia các nước.

Triển vọng giá dầu thô thế giới

Giá dầu thô trên thị trường thế giới sẽ có xu hướng giảm tốc nhẹ trong 6 tháng đầu năm 2013 do tăng trưởng kinh tế toàn cầu hiện mới chỉ có dấu hiệu hồi phục chậm trong nửa đầu năm 2013. Giá dầu Brent trên thị trường dầu mỏ thế giới (theo kết quả dự báo cập nhật của các tổ chức năng lượng quốc tế) được cho là sẽ tiếp tục giảm tốc nhẹ xuống mức khoảng 89,4 USD vào giữa năm 2013.

12 http://www.vnba.org.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=6569:kinh-t-th-gii-2012-va-trin-vng&catid=37:tai-chinh-tin-t-quc-t&Itemid=67.

Bảng 2. Dự báo giá dầu thô trung bình tháng (USD/thùng)

Tháng	Giá dự báo	Độ tin cậy 50% (±)	Độ tin cậy 80% (±)
1/2013	92,0	1,9	4,3
2/2013	94,1	2,5	5,5
3/2013	90,7	2,9	6,4
4/2013	92,6	3,2	7,1
5/2013	88,1	3,4	7,7
6/2013	89,4	3,7	8,3

Nguồn: West Texas Intermediate cập nhật ngày 11/1/2013.

Báo cáo của Ngân hàng Thế giới và Liên hợp quốc (UN)[13] *chỉ ra các thách thức sau đối với tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2013:* (i) nền kinh tế thực còn trì trệ dù các thị trường tài chính đã trở nên tốt hơn trước; (ii) niềm tin kinh doanh vẫn còn ở mức thấp; (iii) rủi ro từ những yếu kém của khu vực đồng Euro; (iv) sụt giảm đầu tư ở Trung Quốc tác động tiêu cực đến tăng trưởng của nền kinh tế nước này và quan hệ thương mại, đầu tư của Trung Quốc đối với phần còn lại của thế giới (đặc biệt đối với châu Á trong đó có Việt Nam); (v) tình trạng nợ nần leo thang của Mỹ gây ra tâm lý lo ngại trên thị trường tài chính toàn cầu; và (vi) rủi ro biến động giá cả dầu mỏ và lương thực.

Triển vọng kinh tế Việt Nam

Các yếu tố tích cực trong năm 2013

Các yếu tố tích cực tác động đến nền kinh tế Việt Nam trong năm 2013 bao gồm:

- *Thứ nhất,* một số nước lớn thực hiện gói kích cầu (như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc) nên Việt Nam có thể hưởng lợi từ yếu tố bên ngoài này.
- *Thứ hai,* nếu việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống 23% được Quốc hội thông qua sẽ kích thích đầu tư, phục hồi hoạt động sản xuất và thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế.
- *Thứ ba,* lãnh đạo Chính phủ, các Bộ, Ngân hàng Nhà nước đều thể hiện quyết tâm rất mạnh và đồng thời đã có một số giải pháp nhằm hâm nóng thị trường bất động sản. Tại phiên họp giải trình ngày 24/1/2013 của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội cũng cho thấy quyết tâm của các cơ quan hữu quan trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho thị trường bất động sản nhằm góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy sản xuất kinh doanh không chỉ cho lĩnh vực bất động sản mà còn của các ngành sản xuất khác, đồng thời đáp ứng mong muốn chính đáng của đa số người dân đó là được mua hoặc thuê nhà ở, căn hộ phù hợp với thu nhập, góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

Một số rủi ro trong năm 2013

(i) Rủi ro lớn nhất là lạm phát vẫn còn tiềm ẩn, có liên quan đến một số chính sách:

- *Thứ nhất,* lương tối thiểu tăng: kể từ ngày 1/1/2013, mức lương tối thiểu theo 4 vùng sẽ tăng theo Nghị định 103/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Mức lương tối thiểu tăng một mặt nâng cao thu nhập người dân, làm tăng nhu

[13] UN. 2012. World Economic Situation and Prospects 2013. Chapter 1. New York, ngày 18/12/2012.

cầu tiêu dùng; tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế suy giảm, tiền lương tăng sẽ như một cú sốc tiêu cực tác động lên các doanh nghiệp. Cho dù có tác động lên mặt cầu hay mặt cung, và dù mức tăng không nhiều song tăng lương sẽ tạo áp lực tăng giá, do có thể gây ra lạm phát tâm lý.

- *Thứ hai,* giá điện tăng: kể từ ngày 22/12/2012, giá điện tăng đến 1.437 đồng/kWh từ mức bình quân 1.369 đồng/kWh, tức là khoảng 5%. Đây là lần tăng giá thứ 2 kể từ ngày 1/7/2012 của EVN. Mặc dù giá điện tăng lần này được EVN đánh giá có tác động không lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đến mặt bằng giá của nền kinh tế. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng mặc dù chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong chi phí của hoạt động sản xuất và trong chi phí sinh hoạt của người dân, nhưng tác động nhiều vòng của việc tăng giá điện đến lạm phát và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế có thể là không nhỏ, chưa nói đến tác động tâm lý. Mức lỗ lũy kế đáng kể của EVN[14], đồng thời giá các loại đầu vào tiếp tục chịu sức ép gia tăng trong năm 2013 tiếp tục tạo áp lực tăng giá điện, qua đó tiếp tục gây sức ép lên lạm phát và tăng trưởng thông qua hiệu ứng chi phí đẩy.
- *Thứ ba,* giá dịch vụ giáo dục và y tế tại một số địa phương có thể sẽ tiếp tục phải điều chỉnh theo lộ trình.
- *Thứ tư,* không loại trừ khả năng có những đột biến về giá dầu thô trên thị trường thế giới.

(ii) Rủi ro về nguồn tài chính vốn đang khan hiếm trong nền kinh tế có thể bị phân bổ lệch lạc, chảy vào nhóm lợi ích, các doanh nghiệp sân sau, thân quen.

Phá băng bất động sản có thể làm giảm nợ xấu, giảm hàng tồn kho và kích thích nền kinh tế tăng trưởng. Nhưng câu hỏi đặt ra là tiền dùng để cứu bất động sản lấy từ nguồn nào? Và như thế nào để kiểm soát dòng tiền không chảy vào nhóm lợi ích, các doanh nghiệp sân sau, thân quen? Việc trả lời được các câu hỏi này một cách công khai sẽ làm cho người dân, nhà đầu tư tin tưởng vào chính sách. Thực tế việc thực hiện hâm nóng hay phá băng bất động sản đòi hỏi phải có sự minh bạch trong việc rót tiền cứu trợ vào các doanh nghiệp.

Triển vọng kinh tế vĩ mô trong năm 2013

Dự báo tăng trưởng do một số tổ chức đưa ra cho thấy nền kinh tế nhiều khả năng vẫn tiếp tục tăng trưởng chậm. Kết quả dự báo kinh tế của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam về triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2013 (5,31%), năm 2014 (5,63%) và năm 2015 (5,92%) (Xem Đồ thị 8). Ngân hàng Thế giới cũng đưa ra dự báo về tăng trưởng của Việt Nam từ ngắn đến trung hạn và cũng cho kết quả tương tự: năm 2013 (5,5%), năm 2014 (5,7%) và năm 2015 (6,0%).

[14] Đến cuối năm 2011, tổng các khoản lỗ lũy kế của 13 tập đoàn, tổng công ty lên tới 48.988 tỷ đồng, trong đó EVN đóng góp 78% số lỗ này khi lỗ lũy kế tới 38.104 tỷ đồng. Sang năm 2012, EVN chỉ lãi trên 100 tỷ đồng, sau khi đã trừ khoản lỗ 3.500 tỷ đồng của hai năm 2010 và 2011 (theo yêu cầu của Chính phủ).

Đồ thị 8: Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2013

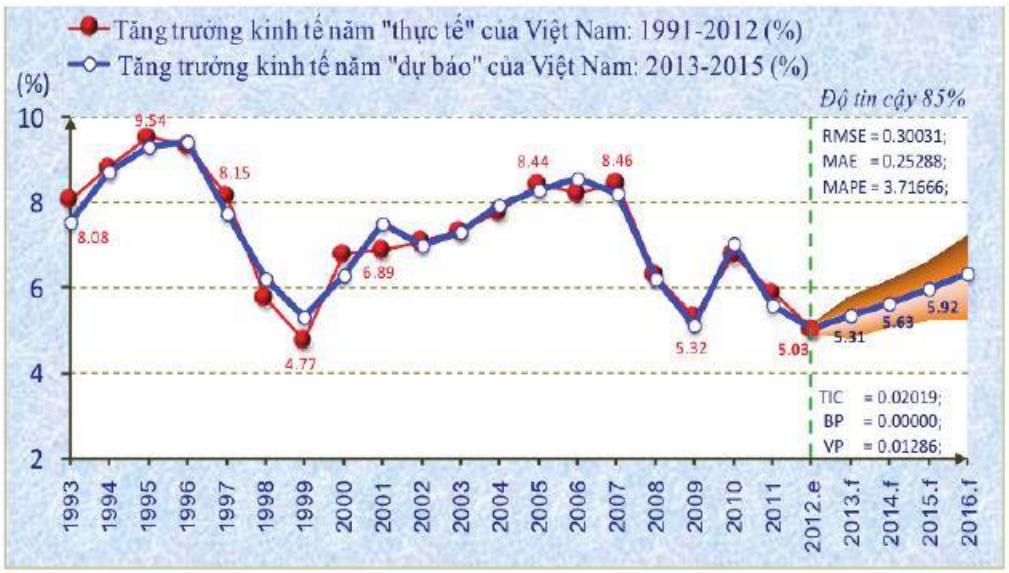

Nguồn: Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Về lạm phát, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam dự báo sẽ dao động trong khoảng từ 7,32% đến 8,84%, trong khi đó ngân hàng ANZ dự báo trong khoảng từ 8-10%. Điều này cho thấy để đạt được mục tiêu đã đề ra về lạm phát cần phải có những nỗ lực rất lớn.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

KẾT LUẬN

Năm 2012 là một năm khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam. Bức tranh kinh tế vĩ mô có cả những gam màu sáng tối đan xen nhau. Điểm sáng của nền kinh tế là lạm phát đã được kiềm chế, cán cân thương mại đã trở lại thặng dư sau nhiều năm chịu thâm hụt, cán cân tổng thể thặng dư lớn, tạo điều kiện để ổn định tỷ giá và thực hiện được một bước tiến quan trọng trong việc chống "đô la hóa" và "vàng hóa". Tuy nhiên nền kinh tế cũng chịu sự suy giảm rõ nét, với tốc độ tăng trưởng ở mức thấp nhất kể từ năm 2000 đến nay và điều này đã được phản ánh rõ nét vào tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp.

Nhìn đến những năm tiếp theo có thể thấy triển vọng kinh tế vẫn còn tiếp tục khó khăn. Tình hình kinh tế thế giới vẫn chưa có những dấu hiệu chuyển biến tích cực, do quá trình điều chỉnh từ tăng trưởng nóng không bền vững của giai đoạn 2000-2007 trở về quỹ đạo cân bằng hơn thông qua quá trình "thoái nợ" (deleveraging) đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu ở tất cả các cấp: quốc gia, Chính phủ, doanh nghiệp và hộ gia đình. Tuy nhiên quá trình này diễn ra không đồng đều: những nước có tỷ lệ tiết kiệm thấp và mức độ vay mượn cao trong giai đoạn vừa qua (như Mỹ, Hy Lạp, Tây Ban Nha, Italia) thì mức độ điều chỉnh càng mạnh và thời gian điều chỉnh càng kéo dài. Tổng cầu ở trên thế giới lại càng suy yếu thêm khi tăng trưởng ở hai đầu tàu khác là Trung Quốc và Ấn Độ đã cho thấy dấu hiệu suy giảm rõ rệt. Đã có những cảnh báo là nếu không có những giải pháp phù hợp thì nền kinh tế toàn cầu có thể rơi vào "bẫy tăng trưởng thấp".

Cũng tương tự như những gì đang diễn ra trên thế giới, ở Việt Nam, sau giai đoạn tăng trưởng nóng, xu hướng cắt giảm nợ đang diễn ra ở cả khu vực doanh nghiệp cũng như khu vực hộ gia đình, dẫn đến cầu nội địa còn tiếp tục suy yếu. Bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục khó khăn như được nêu trên dẫn đến sự suy yếu còn dài của ngoại cầu (external demand) và do vậy tổng cầu còn cần nhiều thời gian để hoàn toàn hồi phục, làm cho nền kinh tế tăng trưởng chậm lại trong giai đoạn trung hạn. Trong khi đó, những rủi ro về lạm phát vẫn còn hiện hữu dưới sức ép của các yếu tố chi phí đẩy và quan trọng hơn là do những bất cập mang tính cơ cấu, dẫn đến sự kém hiệu quả của đầu tư công, khu vực doanh nghiệp và hệ thống ngân hàng. ***Do đó, quá trình điều chỉnh của kinh tế Việt Nam sang một quỹ đạo mới cân bằng và bền vững hơn sẽ còn cần nhiều thời gian và cần có một tầm nhìn trung hạn đối với quá trình điều chỉnh này, thay vì quá chú ý đến những dao động ngắn hạn của nền kinh tế trong nước và toàn cầu.***

Vì vậy trong những năm tiếp theo, cần thực hiện một cách kiên định và quyết liệt các chính sách để ổn định kinh tế vĩ mô, và chương trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Do tăng trưởng kinh tế chậm lại nên cần chú trọng đến cơ cấu tăng trưởng, bảo đảm ưu tiên cho những lĩnh vực tạo việc làm và đời sống cho người nghèo và những người thu nhập thấp dễ bị tổn thương trước các cú sốc. Cần chủ động thiết lập một hệ thống giám sát chặt chẽ và công khai minh bạch hóa thông tin về tiến độ của quá trình này nhằm củng cố niềm tin của thị trường, bao gồm cả người tiêu dùng và nhà đầu tư.

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Trên cơ sở những phân tích trên, có thể đề xuất những khuyến nghị chính sách cho giai đoạn ngắn hạn (năm 2013) và cho giai đoạn trung hạn (giai đoạn 2013-2015) nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và qua đó thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Những khuyến nghị chính sách cho năm 2013

Trong năm 2013, các chính sách cần được định hướng nhằm hỗ trợ cho việc đạt mục tiêu kép là kiềm chế lạm phát khoảng 8% và tăng trưởng GDP khoảng 5,5% như đã được Quốc hội thông qua.

Chính sách tiền tệ

Do chỉ tiêu kiềm chế lạm phát khoảng 8% là một mục tiêu khá tham vọng trong bối cảnh rủi ro lạm phát vẫn còn hiện hữu, nhất là từ phía các yếu tố thuộc nhóm chi phí đẩy (giá điện, xăng dầu, giá lương thực, thực phẩm v.v...) hay từ phía giá một số nhóm hàng (y tế, giáo dục v.v...) và lạm phát kỳ vọng (lạm phát tâm lý) vẫn còn đáng kể nên cần tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng. Do vậy cần sử dụng cách tăng cung tiền cũng như phương thức phân bổ tín dụng có hiệu quả nhất trong việc đạt được mục tiêu kép.

- *Tiếp tục mua vào ngoại tệ,* vì đây là biện pháp khả thi trong bối cảnh lạm phát thấp và tỷ giá ổn định. Đây cũng là biện pháp tăng cung ứng tiền cho nền kinh tế lành mạnh nhất và có thể đạt được nhiều mục tiêu: (i) giúp tăng thanh khoản cho thị trường, qua đó giúp ngăn ngừa các cuộc chạy đua lãi suất, (ii) hỗ trợ các ngành xuất khẩu và cạnh tranh với nhập khẩu; (iii) củng cố dự trữ ngoại hối và dễ dàng bán ra để can thiệp thị trường khi cần thiết; và (iv) hỗ trợ quá trình chống "đô la hóa" nền kinh tế.
- *Thực hiện một cách có hiệu quả* việc ưu tiên cung ứng tín dụng cho khu vực nông nghiệp và nông thôn, lĩnh vực xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thâm dụng lao động v.v...

Chính sách tài khóa

Trong giới hạn thâm hụt ngân sách không vượt quá 4,8% GDP và trong bối cảnh nguồn thu có xu hướng suy giảm trong khi nhu cầu chi ngân sách rất lớn, cần phải chú ý đến tối ưu hóa cơ cấu thu chi để hỗ trợ cho việc đạt mục tiêu kép là kiềm chế lạm phát và tăng trưởng hợp lý để bảo đảm việc làm và an sinh xã hội. Theo hướng đó, cần phải:

- *Ưu tiên thanh quyết toán nợ đọng từ các công trình đầu tư công:* đây là giải pháp rất hiệu quả và công bằng, vì một phần nguyên nhân của gia tăng nợ xấu hiện nay là do nợ dây chuyền giữa các doanh nghiệp thực hiện các công trình xây dựng cơ bản của Nhà nước nhưng chậm được chủ đầu tư thanh toán, gây thiệt hại cho các nhà thầu và doanh nghiệp. Đây là thời điểm thích hợp để giải quyết vấn đề nợ đọng như vậy.
- *Ưu tiên giải ngân cho các dự án dang dở để nhanh chóng hoàn thành đưa vào sử dụng:* Giải pháp này sẽ giúp "một mũi tên bắn trúng hai đích": (i) tiêu thụ hàng tồn kho (yêu cầu các chủ đầu tư sử dụng tối đa nguyên vật liệu trong nước với các công trình đầu tư và xây dựng cơ bản của Nhà nước và điều này được phép do đây là hoạt động thuộc lĩnh vực mua sắm công của Chính phủ); (ii) tránh lãng phí do đầu tư dang dở gây ra, một tình trạng khá phổ biến đang gây nhiều bức xúc hiện nay trong xã hội.

- *Tiếp tục xem xét hoãn và tiến đến miễn giảm thuế giá trị gia tăng (VAT), nhất là với các mặt hàng có mức độ tồn kho lớn và có tỷ lệ sản xuất nội địa cao:* Tuy nhiên giải pháp này cần tính toán kỹ để chọn chính xác danh mục các mặt hàng và mức độ miễn/giảm thuế VAT phù hợp cho từng loại, để tránh *"rò rỉ"* ra hàng ngoại nhập, hay *"kích cầu hộ nước ngoài"*.

Giải quyết vấn đề nợ xấu

Giải quyết nợ xấu hiện đang là một trong những điểm nóng chính sách lớn của năm 2013. Bên cạnh những giải pháp thông dụng, cần phải có các giải pháp đặc thù đối với từng ngành hay nhóm doanh nghiệp hiện chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ xấu. Cụ thể:

- *Đối với ngành thủy sản,* đây là ngành của Việt Nam được thừa nhận rộng rãi là có lợi thế so sánh và khả năng cạnh tranh quốc tế. Ngành này cũng có tầm quan trọng đặc biệt đối với phát triển nông thôn, và chi phí để giải quyết nợ xấu không quá lớn. Bởi vậy có thể chỉ cần có cơ chế khuyến khích phù hợp là có thể giúp cho ngành chế biến thuỷ sản thực hiện hiệu quả quá trình sàng lọc và tái cơ cấu: (i) cơ cấu lại nợ cho doanh nghiệp; (ii) tăng hạn mức tín dụng, giảm lãi suất, điều chỉnh kỳ hạn; (iii) tiếp tục cho vay bằng ngoại tệ để giảm chi phí vốn; (iv) mua lại nợ cho doanh nghiệp kết hợp với việc giám sát dòng tiền, bảo đảm sử dụng đồng tiền đúng mục đích, không đầu tư ngoài ngành.
- *Đối với lĩnh vực bất động sản,* giải pháp để giải quyết nợ xấu có thể bao gồm:

  Chính phủ đưa ra một thông điệp rõ ràng là sẽ không có một sự giải cứu nào đối với các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản trung cấp và cao cấp mà hoàn toàn để thị trường quyết định và đào thải. Điều này sẽ buộc các doanh nghiệp có liên quan phải tính toán sớm hạ giá (để tránh lợi nhuận bị ăn mòn hết bởi chi phí tài chính), giúp phá băng và tạo thanh khoản cho thị trường, qua đó đẩy nhanh quá trình điều chỉnh về điểm cân bằng dài hạn

  Chính phủ sử dụng nguồn lực hạn hẹp cũng như những ưu đãi chính sách để ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng nhà xã hội và nhà ở thương mại giá thấp để phục vụ cho quảng đại những người dân lao động thu nhập thấp, đồng thời còn giúp tạo ra hiệu ứng lan tỏa giúp giải quyết tồn kho và giảm nợ xấu ở các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng[15]. Tuy nhiên, cần minh bạch hóa và giám sát chặt chẽ việc thực thi, kể cả từ phía các cơ quan của Quốc hội, để các hỗ trợ này được thực hiện một cách hiệu quả và công bằng

  Về lâu dài cần đánh thuế tài sản như được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới nhằm ngăn ngừa trình trạng đầu cơ để tránh khủng hoảng nợ xấu trong tương lai

- *Đối với lĩnh vực năng lượng,* các giải pháp để giải quyết nợ xấu đối với ngành điện cần áp dụng bao gồm:

  Tái cơ cấu mạnh mẽ đối với EVN, xóa bỏ đầu tư ngoài ngành để tập trung nguồn lực nâng cao hiệu quả của ngành kinh doanh cốt lõi, áp dụng các biện pháp giảm giá thành và nâng cao hiệu quả, đưa vào phương thức quản trị và giám sát hiệu quả nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật.

[15] Trong khi đó bất động sản trung và cao cấp có giá trị cao do chủ yếu dựa vào đất ở vị trí đẹp, cũng như chủ yếu sử dụng vật liệu xây dựng nhập ngoại đắt tiền và do vậy tác động lan tỏa đến các ngành khác khá hạn chế.

Kiên định thực hiện lộ trình xóa bỏ dần bù lỗ và chuyển sang cơ chế thị trường để xóa bỏ những méo mó giá cả làm sai lệch sự phân bổ nguồn lực gây bất lợi cho ngành điện trong khi không khuyến khích công nghệ tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường nhằm nâng cao hiệu quả phân bổ. Tăng tính lũy tiến trong biểu giá điện để bảo vệ những người có thu nhập thấp và buộc những người sử dụng nhiều điện (thường là những người khá giả) phải chịu nhiều hơn gánh nặng tài chính của sự tăng giá điện.

Tuy nhiên cần chọn lựa thời điểm điều chỉnh thích hợp để tránh lạm phát tâm lý và tăng cường công tác truyền thông để giải thích cho công chúng, tạo ra sự đồng thuận xã hội.

Tăng cường chi cho an sinh xã hội, đặc biệt là đối với người nghèo

Tăng cường hỗ trợ tạo việc làm ở khu vực kinh tế phi chính thức và hỗ trợ bảo đảm an sinh xã hội cho người thu nhập thấp, người nghèo và các nhóm yếu thế trong xã hội. Giải pháp này vừa bảo đảm mục tiêu công bằng và tăng trưởng có lợi cho người nghèo; vừa bảo đảm hiệu quả vì người nghèo và người thu nhập thấp thường có xu hướng chi tiêu cho tiêu dùng các hàng hóa nội địa, qua đó giúp ngăn chặn bớt đà thu hẹp sức mua của thị trường trong nước và góp phần giảm bớt lượng tồn kho của doanh nghiệp. Tuy nhiên, giải pháp này cần tăng cường sự giám sát của người dân và xã hội để tránh *"rò rỉ"* trong khâu thực hiện.

Những khuyến nghị chính sách cho giai đoạn trung hạn 2013-2015

Chính sách tiền tệ và hệ thống ngân hàng

- *Đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng:* Quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng cần phải thực hiện quyết liệt. Tiếp tục yêu cầu các ngân hàng thương mại trích lập quỹ dự phòng rủi ro đầy đủ, để tránh trường hợp "lãi giả lỗ thật" và giảm tỷ lệ nợ xấu một cách bền vững. Giám sát chặt chẽ việc sở hữu chéo.
- *Cần chuyển dần từ việc sử dụng các công cụ trực tiếp sang áp dụng linh hoạt các công cụ gián tiếp* và hạn chế tối đa việc sử dụng công cụ hành chính trong điều hành chính sách tiền tệ quốc gia nói chung và các chính sách quản lý tín dụng và tỷ giá nói riêng.
- *Nâng cao tính minh bạch, tính nhất quán và tính tiên liệu trong điều hành chính sách tiền tệ quốc gia* nhằm tăng cường niềm tin của thị trường, các nhà đầu tư cũng như người dân vào các cơ quan hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ quốc gia.
- *Thực hiện cơ chế tỷ giá linh hoạt* để giúp nền kinh tế có thể tự hấp thụ và phản ứng tốt hơn các cú sốc từ nền kinh tế toàn cầu.
- *Tăng cường công tác dự báo kinh tế vĩ mô* nhằm phục vụ mục tiêu cuối cùng của chính sách tiền tệ quốc gia là ổn định giá trị đồng nội tệ dựa trên khuôn khổ chính sách lạm phát mục tiêu.

Chính sách tài khóa

- *Xem xét khả năng tiếp tục giảm thuế và phí đối với người dân và doanh nghiệp,* tạo điều kiện cho khu vực tư nhân có khả năng tăng tiết kiệm, góp phần cho sự phát triển nền kinh tế một cách bền vững trong trung và dài hạn.

- *Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu thu NSNN theo hướng nâng cao hơn nữa tỷ trọng thu trong nước và giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn thu từ bên ngoài* như nguồn thu từ dầu thô và các hoạt động xuất nhập khẩu.
- *Cải cách hệ thống thuế cần tập trung mở rộng cơ sở thuế và hạ thấp thuế suất để kích thích kinh tế, vừa giảm gánh nặng nộp thuế vừa giảm thất thu thuế.* Các mức thuế suất cần đặt ra ở mức phù hợp để bảo đảm nguồn thu cho NSNN ổn định và bền vững.

Các cải cách cơ cấu khác

- *Đẩy mạnh việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước* nhằm nâng cao hiệu quả nền kinh tế, qua đó giúp ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng bền vững và cộng hưởng với các cải cách trong lĩnh vực ngân hàng như được nêu trên. Trọng tâm là buộc các doanh nghiệp nhà nước phải chịu ràng buộc ngân sách cứng, phải bình đẳng với các doanh nghiệp tư nhân và chịu sự giám sát chặt chẽ theo tiêu chuẩn của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- *Đẩy mạnh tái cơ cấu đầu tư công,* gắn chặt với quy hoạch, khắc phục triệt để đầu tư dàn trải, chạy theo lợi ích cục bộ. Tăng cường sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng Nhân dân và của người dân.

Dự án "Hỗ trợ nâng cao năng lực tham mưu, thẩm tra và giám sát chính sách kinh tế vĩ mô"
ỦY BAN KINH TẾ CỦA QUỐC HỘI
37 Hùng Vương, Ba Đình, Hà Nội
www.ecna.gov.vn